



### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

**Tên mẫu:** Nước sạch

**Mô tả mẫu:** Mẫu đựng trong chai thủy tinh có nắp đậy, dung tích 1500 mL, lượng mẫu 1500ml, bảo quản ở nhiệt độ 4<sup>0</sup>C

**Cơ sở được lấy mẫu:** Tại nhà máy nước sạch Nam Sơn – Chi nhánh Công ty cổ phần TM&XD Nam Sơn

**Địa chỉ:** Khu dân cư mới 193, thị trấn Nham Biên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

**Địa điểm lấy mẫu:** Tại bể chứa nước thành phẩm – Nhà máy nước sạch Tiến Dũng (thôn Huyện, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng)

**Mã số mẫu:** 24.BG.1904

**Tên cơ sở:** Đoàn giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2024 (quyết định số 205/QĐ-KSBT ngày 08/8/2024 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang)

**Ngày lấy mẫu:** 04/9/2024

**Ngày nhận mẫu:** 04/9/2024

**Ngày kiểm nghiệm:** 04/9/2024

**Tài liệu kèm theo:** Biên bản nhận mẫu

**Lý do lấy mẫu:** Theo KH số 151/KH-KSBT ngày 31/7/2024

**Thời gian lưu mẫu:** Không lưu mẫu

TT	Thông số phân tích	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2021/BG	Đánh giá
1	pH *	TCVN 6492:2011	-	7,04	6,0-8,5	Đạt
2	Mùi vị	PPPTN	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Đạt
3	Độ đục	TCVN 6184:1996	NTU	0,4	≤2,0	Đạt
4	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	2,4	≤15	Đạt
5	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> )*	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH	≤0,05	Đạt
6	Hàm lượng Sắt (Fe) *	TCVN 6177:1996	mg/L	KPH	≤0,3	Đạt
7	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub> *	TCVN 6224:1996	mg/L	112,0	≤300	Đạt
8	Chỉ số Pecmanganat *	TCVN 6186:1996	mg/L	0,90	≤2,0	Đạt
9	Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH	≤0,3	Đạt
10	Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	TCVN 6180:1996	mg/L	0,34	≤2,0	Đạt

Mã số: BM-TT 7.8-01

Lần ban hành: 01.19

1. KPH: Không phát hiện

2. (-): Không qui định

3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử. Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS

5. PPPTN: Phương pháp phòng thí nghiệm



11	Hàm lượng Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	PPPTN	mg/L	4,52	≤250	Đạt
12	Hàm lượng Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH	≤0,1	Đạt
13	Hàm lượng Chì (Pb)*	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH	≤0,01	Đạt
14	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH	≤0,001	Đạt
15	Hàm lượng Cadimi (Cd) *	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH	≤0,003	Đạt
16	Hàm lượng Nhôm (Al)	PPPTN	mg/L	KPH	≤0,2	Đạt
17	Hàm lượng Đồng (Cu) *	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH	≤1,0	Đạt
18	Hàm lượng Kẽm (Zn) *		mg/L	KPH	≤2,0	Đạt
19	Hàm lượng Niken (Ni) *	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH	≤0,07	Đạt
20	Hàm lượng Arsen (As)		mg/L	KPH	≤0,01	Đạt
21	Hàm lượng Clo dư *	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,55	0,2-1,0	Đạt
22	Atrazine	PPPTN	µg/L	KPH	≤100	Đạt
23	Permethrin		µg/L	KPH	≤20	Đạt
24	Chloroform		µg/L	KPH	≤300	Đạt
25	Propanil		µg/L	KPH	≤20	Đạt
26	Dibromochloromethane		µg/L	KPH	≤100	Đạt
27	Bromodichloromethane	PPPTN	µg/L	KPH	≤60	Đạt
28	Chlorpyrifos		µg/L	KPH	≤30	Đạt

**Ghi chú:** QCDP 01:2021/BG: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Giới hạn định lượng của Fe: 0,03 mg/L; NO<sub>2</sub>: 0,01 mg/L; Mn: 0,01 mg/L; Pb: 0,001 mg/L; Cd: 0,0005 mg/L; Cu: 0,1 mg/L; Zn: 0,1 mg/L; Ni: 0,003 mg/L; Amoni: 0,03 mg/L; Clo dư: 0,1 mg/L.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 9 năm 2024

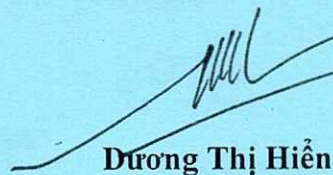
**CÁN BỘ XÉT NGHIỆM**

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**GIÁM ĐỐC**



**Quách Văn Linh**



**Dương Thị Hiền**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**PHAN THỊ THỊ**

Lần ban hành: 01.19

Mã số: BM-TT 7.8-01

1. KPH: Không phát hiện
2. (-): Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử. Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. PPPTN: Phương pháp phòng thí nghiệm



VILAS 591

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

Tên mẫu: Nước sạch

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong 01 chai thủy tinh dung tích 500 ml và 01 chai thủy tinh dung tích 1000 ml có nắp kín, có niêm phong, lượng mẫu 1500 mL, bảo quản ở nhiệt độ 4<sup>0</sup>C.

Cơ sở được lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Nam Sơn - Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Nam Sơn  
Địa chỉ: Khu dân cư mới 193, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Ngày lấy mẫu: 04/9/2024

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Tài liệu kèm theo: Biên bản nhận mẫu số 859/BB- KSBTBG

Mã số mẫu: 24.BG. 1904

Cơ sở gửi mẫu: Đoàn giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2024 (quyết định số 205/QĐ-KSBT ngày 08/8/2024 của trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang)

Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa thành phẩm tại Nhà máy nước sạch Tiến Dũng (Thôn Huyện, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng)

Ngày nhận mẫu: 04/9/2024

Ngày kiểm nghiệm: 04/9/2024

Lí do gửi mẫu: Theo kế hoạch số 151/KH-KSBT ngày 31/7/2024

### Kết quả thử nghiệm

T	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2021/BG	Kết luận
1	Coliforms*	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100mL	KPH	<3	Đạt
2	E.coli*	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt
3	P.aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt
4	S.aureus*	SMEWW 9213B:2017	CFU/100mL	KPH	<1	Đạt

Ghi chú: QCĐP 01:2021/BG : Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 9 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KHOA XÉT NGHIỆM

Trưởng khoa

Nguyễn Văn Nguyễn

Nguyễn Văn Nguyễn

Dương Thị Hiền

LÃNH ĐẠO  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẮC GIANG  
PHẠM THỊ THI

Mã số: BM-TT 7.8 - 01

Lần ban hành: 01.19

- KPH: Không phát hiện, 2. KQĐ: Không qui định
- Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS